

PHIẾU THÔNG TIN

INFORMATION FORM



1. Họ tên trẻ/Child's full name:

2. Tên thường gọi/Preferred name:

3. Ngày sinh/DOB (Đ/MM/YYYY):

4. Giới tính/Gender:

5. Quốc tịch/Nationality:

6. Địa chỉ liên hệ/Home address:

7. Số anh chị em của trẻ / Number of siblings of the child :

8. Thứ tự ra đời của trẻ so với anh chị em / The child's birth order:

9. Trường cũ của trẻ (nếu có) / Child's previous preschool (if any):

10. Người dành thời gian nhiều nhất cho trẻ / The person spending most time with the child:

11. Trẻ có được nghe đọc truyện ở gia đình không? Bao nhiêu lần trong tuần, nếu có? Do you tell the child stories at home? If yes, how often weekly?

12. Trẻ có ăn tối với phụ huynh không? Bao nhiêu lần trong tuần, nếu có? Does the child have dinner with parents? If yes, how often weekly?

13. Ba món ăn trẻ ưa thích nhất / The child's 3 most preferable foods:

14. Ba món ăn trẻ ít thích nhất / The child's 3 least preferable foods:

15. Ba món/loại đồ chơi trẻ thích nhất / The child's 3 most preferable toys / kinds of toys:

16. Ba món/loại đồ chơi trẻ ít thích nhất / The child's 3 least preferable toys / kinds of toys:

17. Ba hoạt động trẻ thích nhất / The child's 3 most preferable activities:

18. Ba hoạt động trẻ ít thích nhất / The child's 3 least preferable activities:

19. Trẻ thực hiện những việc dưới đây như thế nào? / How does the child perform these activities?

	Dễ (Easy)	Khó (Hard)	Rất khó (Very hard)
A. Tự ăn / Self-feeding	☐	☐	☐
B. Vệ sinh cá nhân / Personal hygiene	☐	☐	☐
C. Đi ngủ / Going to sleep	☐	☐	☐
D. Giao tiếp với người mới / Communicating with new people	☐	☐	☐
E. Thích nghi với nơi mới / Adapting to new place	☐	☐	☐
F. Giữ bình tĩnh / Staying calm	☐	☐	☐

Ngày cung cấp thông tin / Date:

Họ tên, chữ ký của người điền thông tin / Info provider's name and signature:

/ /